

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

Bản án số: 20/2020/DSPT

Ngày 04/9/2020

V/v Tranh chấp đất lâm nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Can

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Dụ.

Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Bà Hà Thị Ngọc Bích- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLPT-DS ngày 09/6/2020 về Tranh chấp đất lâm nghiệp. Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 16/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình bị nguyên đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:18/2020/QĐPT ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đinh Văn N, sinh năm 1976; trú tại: thôn Đồi, xã Thanh Nông (nay là thị trấn Ba Hàng Đồi), huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Đức T, sinh năm 1944; trú tại: thôn Đồi, xã Thanh Nông, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Có mặt

2. Bị đơn: - Ông Dương Văn L; trú tại: thôn Quyết Tiến, xã Thanh Nông (nay là thị trấn Ba Hàng Đồi), huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Bà Ngô Thị H, sinh năm 1968; trú tại: thôn Quyết Tiến, thị trấn Ba Hàng Đồi, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Xin vắng mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1962 (vợ ông L); trú tại: thôn Quyết Tiến, thị trấn Ba Hàng Đồi, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Ông Lê Văn P, sinh năm 1968; trú tại: Thôn Quyết Tiến, xã Yên Bồng, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Xin vắng mặt.

- Bà Bùi Thị V (mẹ anh N) chị Trần Thị T (vợ anh N), chị Đinh Thị T, Chị Đinh Thị KB; đều trú tại: thôn Đồi, thị trấn Ba Hàng Đồi, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

Chị Đinh Thị H, (đều là em gái anh N), trú tại: thôn Đồng Danh, xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình, ủy quyền cho ông T tham dự phiên tòa.

- Ông Ngô Thanh H, nguyên phó chủ tịch UBND xã Thanh Nông. Địa chỉ: thôn Đồi, thị trấn Ba Hàng Đồi, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Thanh X nguyên cán bộ địa chính xã Thanh Nông. Địa chỉ: thôn Đồi, thị trấn Ba Hàng Đồi, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- Ông Vũ Văn H, Trưởng thôn Đồi. Địa chỉ: thôn Đồi, thị trấn Ba Hàng Đồi, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- UBND thị trấn Ba Hàng Đồi, đại diện ông Trần Quốc T – chủ tịch ủy quyền cho ông Nguyễn Trung T, CB địa chính. Có mặt.

- UBND huyện Kim bôì. Vắng mặt.

- Hạt kiểm lâm huyện Kim bôì. Vắng mặt.

- Nông trường Thanh Hà, đại diện ông Vũ Văn T, Phó giám đốc. Có mặt.

- UBND huyện Lạc thủy, Chủ tịch ủy quyền ông Lê Anh T, PP địa chính. Có mặt.

- Anh Vũ Văn L, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn Quyết Tiến, thị trấn Ba Hàng Đồi, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955; địa chỉ: thôn Quyết Tiến, thị trấn Ba Hàng Đồi, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Có đơn xin vắng mặt.

- Ông Ngô Văn C, sinh năm 1955; địa chỉ: C18, Lô 9, TT Đô thị mới, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, ủy quyền cho ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 20B, tổ 17, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đinh Văn N, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đinh Đức T, các thành viên khác trong hộ gia đình anh N tại thời điểm cấp GCNQSDĐ trình bày:

Năm 1992, ông Đinh Đức T (là bố đẻ của anh N) được HTX thôn Đồi giao khoán cho gia đình ông diện tích đất lâm nghiệp tại khu vực Thung Danh thuộc thôn Đồi, xã Thanh Nông, huyện Kim Bôi (nay là thị trấn Ba Hàng Đồi, huyện Lạc Thủy). Sau đó nội dung giao khoán được thay thế bởi “ Biên bản hợp đồng giao thầu rừng bương Thung Danh” ký ngày 18/01/1996. Theo biên bản này ông T được giao thầu:

Núi đá 15ha, rừng bương 3ha có 540 gốc; về núi có 3 mặt giao để trông nom cho HTX: phía Nam giáp đỉnh Thung Nôm, phía Tây dọc đỉnh giáp với Tân lâm và Ba Bường, phía Bắc xuống chân núi giáp rừng bương HTX;

Rừng bương chạy dọc theo chân núi hướng Tây Nam: phía Nam và phía Tây là núi của HTX giao; phía Tây Bắc giáp núi của HTX còn gọi là Quên Nhận; phía Bắc giáp diện tích canh tác của Nông trường và HTX.

Thời hạn 20 năm (từ 18/01/1996 đến 18/01/2016). Ngày 29/3/1996, Địa chính xã Thanh Nông có xác nhận bổ sung vào Biên bản giao thầu này với nội dung “ diện tích giao thầu nằm tại Thung Danh lô 12 khoảnh 39, 40, 41, 42 bản đồ ngoại nghiệp đất rừng; biên bản số 02 ký kết ngày 01/9/1992 không còn hiệu lực thay bằng biên bản này”, có xác nhận của UBND xã Thanh Nông.

Cùng với việc nhận thầu rừng nêu trên từ HTX thôn Đồi, thực hiện chủ trương giao đất khoán rừng theo Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ, ông T được giao sử dụng đất lâu dài với diện tích đất giao thầu nêu trên. Ông T đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên con trai ông là anh Đinh Văn N. Ngày 03/9/1998, UBND huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L971975 đứng tên Đinh Văn N; tổng diện tích theo giấy chứng nhận là 448.000m² gồm 03 thửa 39, 40, 41 tờ bản đồ số 12 tại xã Thanh Nông, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Từ năm 2001 hộ ông Dương Văn L, ông Lê Văn P liên tục lấn chiếm đất và phá rừng nương của gia đình ông. Ông T đã nhiều lần yêu cầu UBND xã Thanh Nông giải quyết nhưng không được giải quyết dứt điểm.

Tại các bản tự khai, các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Dương Văn L, bà Nguyễn Thị X trình bày:

Từ năm 1988, ông L và bà X đã phá hoang, cải tạo để trồng trọt trên mảnh đất có hồ trũng hoang hóa của Nông trường Thanh Hà bị bỏ hoang. Gia đình vừa trồng trọt vừa cải tạo, đến năm 2014 trồng dong riềng và cam. Cuối năm 2015, gia đình thu hoạch dong riềng và từ đó đến nay toàn bộ diện tích khai hoang được dùng để trồng cam. Sau thời điểm gia đình ông L vào khai hoang khoảng 01 năm thì có bố mẹ bà Ngô Thị H cũng vào đó phát hoang bên cạnh mảnh đất nhà ông L. Gia đình ông L có 05 người, làm nhà để ở, đào giếng lấy nước tưới cây và sinh hoạt. Trong suốt thời gian ông L và bà X vất vả bỏ tiền bạc, công sức để cải tạo đất đai hoang hóa thì chưa bao giờ thấy anh N, ông T xuất hiện, cũng không tranh chấp với ai. Quá trình sử dụng đất, ông bà có hỏi thủ tục để xin được cấp bìa thì được UBND xã trả lời là đất đó không thuộc quyền quản lý của xã, do thiếu hiểu biết nên ông bà cứ trồng trọt, canh tác đến nay.

Sau khi ông P và bà H ly hôn, ông L và bà X đã mua lại toàn bộ diện tích mà vợ chồng bà H đã sử dụng, việc mua bán chỉ làm giấy viết tay chưa làm thủ tục tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nay anh N khởi kiện, ông L cho rằng ông bà có toàn quyền quyết định đối với phần đất đã mua lại của vợ chồng bà H, anh N và ông T không có căn cứ đòi lại đất bởi gia đình ông bà đã sử dụng, canh tác, trồng trọt từ năm 1988; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ anh N không đúng với thực tế sử dụng và sai sót về thủ tục cấp đất.

Tại các bản tự khai, các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Ngô Thị H và ông Lê Văn P trình bày:

Nguồn gốc đất của gia đình bà H có được là do từ thời bố mẹ bà H khai hoang từ năm 1989. Đến năm 1990 bà H kết hôn với ông P thì vợ chồng bà tiếp tục khai hoang, phục hóa và sử dụng đất đã khai hoang được. Năm 2000 gia đình có xây một ngôi nhà nhỏ, năm 2004 được Nhà nước hỗ trợ 1.500.000 đồng tiền chính sách khai hoang. Ông

bà khẳng định đây là đất gia đình ông bà khai hoang sử dụng liên tục, ổn định nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 18/8/2014 anh N cho rằng gia đình bà lấn chiếm đất và khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông L cũng như gia đình ông bà phải trả lại diện tích đất cho gia đình anh N là không đúng. Bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Ông P bà H cũng nhất trí với lời trình bày của ông L, bà X. Việc ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 840,8m² có nhà của bà H, bị đơn không đồng ý.

Đại diện UBND thị trấn Ba Hàng Đồi trình bày ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án: Việc UBND huyện Kim Bôi giao đất chồng lấn lên diện tích đất của ông L, ông P và ông L đang sử dụng đó là thực tế tại thời điểm giao các ông đã sử dụng từ năm 1991, 1992. Nguyên nhân là do quá trình khoanh vẽ xây dựng bản đồ. Việc ông L và ông P trình bày khu đất đang sử dụng là của Nông trường Thanh Hà là không đúng. Tại văn bản ngày 11/9/2019 của UBND xã Thanh Nông (cũ) đã nêu: trên cơ sở xem xét, xác minh lại từ thôn Đồi thì thấy rằng đất tranh chấp đứng tên Đình Văn N còn có nguồn gốc là Cộng đồng dân cư thôn Đồi sử dụng trước khi anh N được cấp GCNQSDĐ.

Ông Nguyễn Thanh X – Nguyên cán bộ Địa chính xã Thanh Nông: Việc ông X xác nhận vào biên bản hợp đồng giao thầu rừng bương Thung Danh ngày 18/01/1996 là dựa trên bản đồ nền của Lâm trường Kim Bôi, trên bản đồ chỉ thể hiện các đường rằn ri mà không thể hiện màu nên không biết được giới hạn chính xác của lô 12 có thửa đất số 41 mà anh N được cấp bìa được khoanh vẽ đến đâu.

Đại diện UBND huyện Kim Bôi có ý kiến: UBND huyện Kim Bôi đã bàn giao toàn bộ hồ sơ đất đai của xã Thanh Nông cho UBND huyện Lạc Thủy. Tại thời điểm giao đất lâm nghiệp theo Nghị định 02 của Chính phủ, UBND huyện giao Hạt kiểm lâm phối hợp với UBND các xã, thị trấn đo đạc khoanh vẽ lập bản đồ bằng phương pháp thủ công. Trên cơ sở hồ sơ do UBND xã gửi lên, Hạt kiểm lâm hoàn thiện hồ sơ và trình UBND huyện ký cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân. Trong quá trình đo đạc, khoanh vẽ có thể xảy ra sai sót cấp chồng lên các hộ khác.

Ông Vũ Văn H-Trưởng thôn Đồi, xã Thanh Nông (nay là thị trấn Ba Hàng Đồi): Thời điểm giao thầu đất Thung Danh cho ông T thì trên đất có 270 búi bương của Cộng đồng dân cư thôn Đồi. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh N vào cả phần đất chung của thôn Đồi không được ai phản ánh lại, thôn không biết để được nêu ý kiến. Đây là đất mà thôn cho ông T thầu, đề nghị ông T trả lại đất cho Cộng đồng dân cư thôn Đồi quản lý, sử dụng.

Đại diện Nông trường Thanh Hà: Cho biết vào khoảng năm 1988, Nông trường có cho Đội sản xuất số 2 trồng ngô, sản trên phần đất hiện đang tranh chấp nhưng sau đó khó khăn trong việc canh tác nên thôi. Lúc đó thì hộ ông L, hộ bà H mới vào canh tác; về căn cứ pháp lý Nông trường đã cho rà soát lại tài liệu lưu trữ nhưng không có tài liệu gì chứng minh, Nông trường không còn quản lý đất đó và không có ý kiến gì.

Đại diện UBND huyện Lạc Thủy có ý kiến: Diện tích đất thửa 41 cấp cho anh Đình Văn N có cả diện tích HTX giao thầu cho các hộ, là đất của Cộng đồng dân cư thôn Đồi theo Biên bản hợp đồng kinh tế số 02 ngày 01/9/1992 và sau là Biên bản giao thầu rừng bương Thung Danh cho ông T ngày 18/01/1996. Vị trí hiện tại hộ ông L, hộ

bà H đang canh tác nằm trong ranh giới quản lý của Nông trường Thanh Hà trước đây, đất bìa lô, thùng vũng không đưa vào giao khoán sản phẩm, không nằm trong diện tích đất của HTX thôn Đồi quản lý, nay Nông trường Thanh Hà không quản lý. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Đinh Văn N đối với thửa 41 khoảnh 12 là không đúng nguồn gốc và đối tượng sử dụng đất.

-Về việc định giá tài sản tranh chấp, cấp sơ thẩm đã tiến hành định giá đầy đủ các đương sự không yêu cầu cấp phúc thẩm tiến hành định giá lại. Kết quả đo đạc và định giá tài sản của cấp sơ thẩm như sau:

+ Đất anh N tranh chấp hộ ông L, bà X đang sử dụng: thuộc đất trồng cây lâu năm, trên biểu trích đo ký hiệu thửa 17, đơn giá: $60.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 20.287,3\text{m}^2 = 1.217.238.000$ đồng.

-Đất anh N đang tranh chấp hộ ông L, bà X đang sử dụng: thuộc đất rừng sản xuất, vị trí 1, trên biểu trích đo ký hiệu thửa 24, đơn giá $12.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.301,3\text{m}^2 = 15.615.600$ đồng.

Tổng giá trị đất nêu trên tại thời điểm định giá: 1.402.869.600 đồng.

+ Tài sản trên đất tranh chấp tại thời điểm định giá của hộ ông L, bà X có tổng trị giá tài sản: 2.444.188.800 đồng.

+ Đất anh N tranh chấp bà H đang sử dụng: thuộc đất trồng cây lâu năm, trên Biểu trích đo ký hiệu thửa 16, đơn giá $60.000 \text{ đ}/\text{m}^2 \times 840,8\text{m}^2 = 50.448.000$ đồng.

Tài sản trên đất tranh chấp tại thời điểm định giá của hộ bà Hải có tổng giá trị tài sản tại thời điểm định giá 57.586.320 đồng.

+ Đất anh N tranh chấp, ông T chỉ vào phần đất ông L đang sử dụng: thuộc đất trồng cây lâu năm, trên biểu trích đo ký hiệu thửa 23, đơn giá $60.000 \text{ đ}/\text{m}^2 \times 1.992,8\text{m}^2 = 119.568.000$ đồng.

+ Phần đất anh N, ông T chỉ vào phần đất giao thông thủy lợi thuộc UBND xã quản lý, Hội đồng định giá xác định không có căn cứ pháp lý để định giá.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2015/DSST ngày 07/7/2015 Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại quyền sử dụng diện tích đất 14.735m^2 đất lâm nghiệp tại thửa đất số 4, trong đó phần đất ông L đang sử dụng là 7.763m^2 và ông P là 6.972m^2 , buộc bị đơn thu hoạch cây cối hoa màu trên đất để trả lại đất cho anh N. Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2015/DSST đơn có kháng cáo. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 22/2015/DSPT ngày 20/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình quyết định không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Dương Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2015/DSST ngày 07/7/2015 Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy.

Kháng nghị số 31/KNĐT-VC1-DS ngày 02/8/2016 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy và bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình. Quyết định giám đốc thẩm số 56/2017/DS-GĐT ngày 22/6/2017 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lạc

Thủy và bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Anh N và ông T không đồng ý với Quyết định Giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, tiếp tục khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả lại diện tích đất đã lấn chiếm mà gia đình anh N, ông T đã được cấp bìa đỏ.

Thời điểm giải quyết sơ thẩm lần thứ hai thì ông P và bà H đã ly hôn, ông P đã chuyển về thôn Quyết Tiến, xã Yên Bồng, huyện Lạc Thủy sinh sống; giao cho bà H quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên đất, ông không có bất cứ yêu cầu nào về tài sản đang tranh chấp nữa. Vì vậy, nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: không khởi kiện ông P mà khởi kiện bà H, đề nghị Tòa án yêu cầu bà H phải trả lại đất đang lấn chiếm ở thửa 41 của gia đình ông. Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm lần 2, vào ngày 12/8/2019 ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 840,8m² có nhà của bà H trên đó do nhận thấy bà H không có nơi ở nào khác, nhưng bà H không đồng ý.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 16/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm (a) khoản 1 Điều 35 BLTTDS; điểm (d) khoản 2 và khoản 3 Điều 106, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai 2013; khoản 3 Điều 155 BLDS 2015; Điều 185, khoản 1 Điều 5 BLTTDS; khoản 2 Điều 71, khoản 4 Điều 217, khoản 1 Điều 244 BLTTDS; khoản 1 Điều 2, Điều 19 Luật Đất đai 1993; khoản 1 Điều 26, điểm (a) khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội; khoản 1 Điều 157, Điều 266, Điều 271 BLTTDS

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Văn N, người đại diện của nguyên đơn Đinh Đức T về việc đòi lại quyền sử dụng đất thửa 41 theo GCNQSDĐ số L971975 đứng tên Đinh Văn N do UBND huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 03/9/1998.

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền chính, thu hồi diện tích thửa đất 41 đã cấp cho anh Đinh Văn N theo GCNQSDĐ số L971975 do UBND huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 03/9/1998 với tổng diện tích xác định trên thực tế là 24.422,2m², trong đó:

+ Diện tích đất ông L, bà X đang sử dụng thuộc đất trồng cây lâu năm, trên biểu trích đo ký hiệu thửa 17, diện tích 20.287,3m².

+ Diện tích đất ông L, bà X đang sử dụng thuộc đất rừng sản xuất, trên biểu trích đo ký hiệu thửa 24, diện tích 1.301,3m².

+ Diện tích đất bà H đang sử dụng thuộc đất trồng cây lâu năm, trên biểu trích đo ký hiệu thửa 16, diện tích 840,8m².

+ Diện tích đất khi đo đạc ông T chỉ vào phần đất ông L đang sử dụng thuộc đất trồng cây lâu năm, trên biểu trích đo ký hiệu thửa 23, diện tích 1.992, m².

Theo biên bản trích đo ngày 22/01/2019 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình thể hiện (có bản trích đo kèm theo).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020 anh Đinh Văn N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 16/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Đinh Văn N, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo yêu cầu ông L, bà H và ông L trả lại phần đất đã lấn chiếm của gia đình ông đã được cấp GCNQSDĐ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

(1) Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kháng cáo của anh Đinh Văn N trong thời hạn luật định cần được chấp nhận.

(2) Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Ông Đinh Đức T đầu thầu rừng nương Thung Danh với HTX Thôn Đồi năm 1992 sau đó sửa đổi hợp đồng năm 1996. Từ năm 1998 gia đình ông được UBND huyện Kim Bôi cấp GCNQSD đất số L971975 theo Nghị định 02CP của Chính phủ, nhưng thủ tục cấp đất không đúng đối tượng, gia đình ông T không có đơn xin cấp đất, việc cấp đất chưa đảm bảo đúng quy định, đất giao không rõ mốc giới và cấp chồng lấn.

UBND huyện Thủy cũng đã có quan điểm: Việc cấp đất cho anh N là sai đối tượng, thủ tục cấp đất cho hộ anh Đinh Văn N và GCNQSD đất số L971975 cho anh N là chưa đúng, đất không được đo đạc chính xác, mốc giới không rõ ràng, cấp đất có sự chồng lấn. UBND huyện Lạc Thủy đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm được các tài liệu chứng cứ mới, cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn N là đúng quy định của pháp. Đại diện VKS đề nghị HĐXX không chấp nhận đơn kháng cáo của anh N, giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không có khiếu nại về Quyết định, hành vi của các cơ quan và người tiến hành tố tụng. Vụ án thụ lý từ 29/12/2017 đến 16/3/2020 Tòa án cấp sơ thẩm mới giải quyết là vi phạm thời hạn giải quyết vụ án, tuy nhiên không làm thay đổi nội dung bản chất vụ kiện. Kháng cáo của anh Đinh Văn N trong thời hạn luật định cần được chấp nhận.

Về việc thay đổi tư cách người tham gia tố tụng của bà Ngô Thị H: Ngày 09/12/2016 bà H và ông P đã ly hôn. Sau khi ly hôn ông P đã về quê để sinh sống, ông P thỏa thuận giao toàn bộ phần nội dung vụ kiện của mình cho bà H tiếp tục tham gia. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà H là bị đơn và ông P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện tranh chấp đất lâm nghiệp của anh Đinh Văn N thuộc trường hợp quy định tại khoản 9

Điều 26 BLTTDS thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Theo quy định tại điểm (a) khoản 1 Điều 35 BLTTDS Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy thụ lý và tiến hành giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày cấp 03/9/1998 Anh Đinh Văn N đã được UBND huyện Kim Bôi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L971975, số thửa (12/39, 12/40 và 12/41) với tổng diện tích là 448.000m². Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Dương Văn L, bà Ngô Thị H và ông Vũ Văn L phải trả lại phần đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 41 của gia đình ông. Căn cứ điều 5 BLTTDS Tòa án chỉ giải quyết phần tranh chấp đất đai tại thửa 12/41 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L971975 của anh N.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của các đương sự, những người tham gia tố tụng khác trong vụ án, HĐXX phúc thẩm nhận thấy:

Về nguồn gốc thửa đất số 41: Ngày 18/01/1996 ông T được giao thầu rừng hương Thung Danh, vị trí thuộc thôn Đồi, xã Thanh Nông (cũ). Biên bản giao thầu rừng hương Thung Danh kế thừa Biên bản hợp đồng kinh tế ngày 01/9/1992. Sau khi được giao thầu ông T có trách nhiệm nộp lại sản phẩm thầu cho HTX. Trên thực tế, gia đình ông T chỉ nộp thầu sản phẩm đến năm 2013 sau đó gia đình ông T không đóng nộp sản phẩm nữa.

Về căn cứ để giao đất lâm nghiệp theo Quy định tại Điều 4 Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ, tại mục 3 quy định: Hộ gia đình, cá nhân phải có đơn xin giao đất lâm nghiệp và phải được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú xác nhận. Tuy nhiên, theo tài liệu mà Phòng TN & MT huyện Lạc Thủy cung cấp trong hồ sơ cấp đất cho anh Đinh Văn N có Đơn xin cấp đất (giao rừng và khoán rừng) đề ngày 06/7/1995 và biên bản giao đất, giao rừng cùng ngày 06/7/1995 nhưng đơn không phải do anh N, ông T làm. Ông T cũng khẳng định gia đình ông không có ai làm đơn xin cấp đất theo Nghị định 02. Chữ ký trong đơn và biên bản nêu trên không phải chữ của anh N. Đơn xin cấp đất không có dấu xác nhận của UBND xã Thanh Nông, biên bản giao đất giao rừng không có xác nhận và đóng dấu của UBND xã, không có chữ ký xác nhận và đóng dấu của Hạt kiểm lâm huyện Kim Bôi là cơ quan phối hợp lập hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Nghị định 02. Đồng thời, việc cấp đất cho anh N cũng không đảm bảo theo đúng quy định về đối tượng được giao đất lâm nghiệp được quy định tại khoản 2 Điều 5 và hồ sơ cấp đất không đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định 02.

Việc cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình theo Nghị định 02 tại huyện Kim Bôi thời điểm cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Nền được UBND huyện Kim Bôi giao cho Hạt kiểm lâm huyện phối hợp với UBND các xã tiến hành đo đạc khoanh vẽ lập bản đồ đất lâm nghiệp bằng phương pháp thủ công và hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân lập hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ.

Tại biên bản xác minh ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, đại diện UBND xã Thanh Nông đã trả lời: việc giao thầu cho ông T theo biên bản ngày 18/01/1996 chỉ giao thầu Thung Danh, không đi giao trên thực địa. Ngoài ra cũng xác nhận diện tích đất ông T đang tranh chấp với ông L, ông P thực tế là do ông L, ông P phục hóa từ năm 1988, 1989 và sử dụng từ những năm 1991, 1992. Không có văn bản

nào thể hiện việc cắm mốc giao đất trên thực địa cho gia đình ông T, anh N theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 của Nghị định 02.

Tại Biên bản xác minh ngày 07/7/2016 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thể hiện hộ ông L bà X, ông P bà H đã sử dụng diện tích đất đang tranh chấp từ những năm 1988, 1989 đến nay.

Tại Công văn 974/UBND – TNMT ngày 03/10/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Lạc Thủy về việc phúc đáp văn bản số 40/CV – TA ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy đã kết luận: Thời điểm anh N được cấp GCNQSDĐ có một phần diện tích cấp chồng lên diện tích đất do Nông trường Thanh Hà quản lý trước đây (đất bìa lô, thung vũng), hiện hộ ông L, hộ bà H đang sử dụng. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh N đối với thửa đất số 41, khoảnh 12 là không đúng đối tượng và nguồn gốc sử dụng đất.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lại thửa đất số 41 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L971975 mà UBND huyện Kim Bôi cấp cho anh Đinh Văn N vào ngày 03/9/1998 là có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn kháng cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho kháng cáo của mình, do vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của anh Đinh Văn N, cần giữ nguyên toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Cấp sơ thẩm còn thiếu sót: Trong phần quyết định của bản án sơ thẩm đã áp dụng điều luật chưa đúng. Khoản 4 Điều 217 BLTTDS quy định về việc giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm sau khi có Quyết định Giám đốc thẩm mà Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án. Trong vụ án này, ngày 26/02/2019 nguyên đơn chỉ rút yêu cầu khởi kiện đối với phần đất có nhà của bà Ngô Thị H, tuy nhiên bà H không đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm vẫn giải quyết nội dung trên nhưng áp dụng khoản 4 Điều 217 của BLTTDS là chưa chính xác.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định các cán bộ và đại diện cơ quan chính quyền tại địa phương; các gia đình, nông trường có đất liền kề thửa đất đang tranh chấp nhưng quyết định của bản án không có liên quan gì đến họ là những người có quyền và nghĩa vụ liên quan là không đúng.

Phần chi phí tố tụng nguyên đơn, bị đơn đã tự nguyện nộp và đã được khấu trừ xong nhưng bản án sơ thẩm tuyên các đương sự phải chịu là chưa chính xác. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Bác kháng cáo của anh Đinh Văn N. Giữ nguyên các quyết định của bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2020/DSST ngày 16/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Cụ thể:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5; khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 157; Điều 185; khoản 1 Điều 244 BLTTDS;

- Khoản 1 Điều 2, Điều 19 Luật Đất đai 1993; điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 106, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai 2013.

- Khoản 3 Điều 155 BLDS 2015

- Khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội;

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Văn N và người đại diện của nguyên đơn Đinh Đức T về việc đòi lại quyền sử dụng đất thửa 41 theo GCNQSDĐ số L971975 đứng tên Đinh Văn N do UBND huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 03/9/1998.

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền đình chính, thu hồi diện tích thửa đất 41 đã cấp cho anh Đinh Văn N theo GCNQSDĐ số L971975 do UBND huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 03/9/1998 với tổng diện tích xác định trên thực tế là 24.422,2m², trong đó:

+ Diện tích đất ông L, bà X đang sử dụng thuộc đất trồng cây lâu năm, trên biểu trích đo ký hiệu thửa 17, diện tích 20.287,3m².

+ Diện tích đất ông L, bà X đang sử dụng thuộc đất rừng sản xuất, trên biểu trích đo ký hiệu thửa 24, diện tích 1.301,3m².

+ Diện tích đất bà H đang sử dụng thuộc đất trồng cây lâu năm, trên biểu trích đo ký hiệu thửa 16, diện tích 840,8m².

+ Diện tích đất khi đo đạc ông T chỉ vào phần đất ông L đang sử dụng thuộc đất trồng cây lâu năm, trên biểu trích đo ký hiệu thửa 23, diện tích 1.992, m².

Theo biên bản trích đo ngày 22/01/2019 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình thể hiện (có bản trích đo kèm theo).

Anh Đinh Văn N phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án: 04/9/2020.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội
- TAND huyện Lạc Thủy;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Chi cục THADS h. Lạc Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lương Văn Can